TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Thu Hà

Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Thôn 3, xã H1, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đàm Văn B, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2020 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, chị Nguyễn Thị T (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T1, thành phố Hải

Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 23 tháng 6 năm 2016. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đàm Văn B.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Văn B có một con chung tên là Đàm Duy P sinh ngày 01/5/2016. Hiện con khỏe mạnh, phát triển bình thường và do chị Nguyễn Thị T đang nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị xin nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị để chị và anh Đàm Văn B tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Văn B không có tài sản chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Trong biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 28 tháng 5 năm 2020 cùng các lời khai với Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, anh Đàm Văn B (bị đơn) trình bày:

Anh Đàm Văn B thừa nhận toàn bộ lời trình bày của chị Nguyễn Thị T là đúng. Nay chị Nguyễn Thị T đề nghị ly hôn, anh đồng ý ly hôn. Khi ly hôn anh đồng ý với quan điểm như chị Nguyễn Thị T đã trình bày về con chung và tài sản chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Văn B. Giao con chung tên là Đàm Duy P sinh ngày 01/5/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Văn B tự thỏa thuận giao nhận cho nhau. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung vợ chồng đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T, anh Đàm Văn B vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Văn B.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Văn B được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 23 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra va chạm, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh Đàm Văn B và anh Đàm Văn B đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Đàm Văn B.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Văn B có một con chung tên là Đàm Duy P sinh ngày 01/5/2016. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị T đề nghị được nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đàm Văn B đồng ý với đề nghị của chị Nguyễn Thị T. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện anh Đàm Văn B, chị Nguyễn Thị T có điều kiện, khả năng và thời gian để chăm sóc con chung, con chung đang do chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vì vậy áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên là Đàm Duy P sinh ngày 01/5/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Văn B tự thỏa thuận không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Văn B không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Văn B.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên là Đàm Duy P sinh ngày 01/5/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Văn B tự thỏa thuận giao nhận cho nhau.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Nguyễn Thị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0000684 ngày 05 tháng 3 năm 2020; Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Đàm Văn B không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã L, huyện T1;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Hiếu